

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Nguyễn Thị Kim Hiếu	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Võ Mỹ Tiên	27,23	250.000.000.000	0,00	-
- Mai Lê Hồng Sương	24,40	224.000.000.000	0,00	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0,42	3.816.000.000	21,14	3.816.000.000
- Công ty TNHH Đà Nẵng HQ Investment	0,34	3.150.000.000	17,45	3.150.000.000
- Các cổ đông khác	20,38	187.083.800.000	52,58	9.489.800.000
- Cổ phiếu quỹ	0,00	-	8,83	1.594.000.000
	100	918.049.800.000	100	18.049.800.000

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với việc chào bán số lượng 90.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư dự kiến theo danh sách để tăng vốn điều lệ, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0211/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 1012/2020/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 0501/2021/NQ-HĐQT ngày 05/01/2021. Công ty đã phát hành thành công số lượng 90.000.000 Cổ phiếu cho 07 cổ đông, thông tin chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 900 tỷ VND;
- Danh sách 07 nhà đầu tư:
 - + Trịnh Ngọc Khánh mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Hồng Bảo Ngân mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Trương Hiền Vũ mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Nguyễn Thu Thảo mua 4.400.000 cổ phiếu;
 - + Mai Lê Hồng Sương mua 22.400.000 cổ phiếu;
 - + Võ Mỹ Tiên mua 25.000.000 cổ phiếu;
 - + Nguyễn Thị Kim Hiếu mua 25.000.000 cổ phiếu.
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đã được dùng để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Vương Developer.

(2) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0402/2021/NQ-HĐQT ngày 04/02/2021 đã quyết nghị thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty và Báo cáo Kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 01/BCKQ/CPQ-HTP ngày 24/03/2021, kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ của Công ty như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng đã thực hiện: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giá giao dịch bình quân: 17.095 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 19/03/2021;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	18.049.800.000	18.049.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	900.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<u>918.049.800.000</u>	<u>18.049.800.000</u>
d) Cổ phiếu		
	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	91.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	159.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.645.580
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.914.347.993	1.914.347.993
	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.914.347.993</u>
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	3.727.288.493	5.242.044.524
Doanh thu khác	270.953.328	353.916.787
	<u>3.998.241.821</u>	<u>5.595.961.311</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>3.799.368.963</u>	<u>5.328.736.583</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		
19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	3.762.332.074	4.863.704.916
Giá vốn của hoạt động khác	2.275.000	131.382.612
	<u>3.764.607.074</u>	<u>4.995.087.528</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	<u>12.181.818</u>	<u>-</u>
Tổng giá trị mua vào:		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30)		

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	510.714.918	534.028.810
Lãi bán các khoản đầu tư	30.596.392	25.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.546.400	47.066.000
	579.857.710	606.944.810

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	86.946.415	2.438.102
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(60.777.645)	29.218.541
Chi phí tài chính khác	-	7.283
	26.168.770	31.663.926

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.091	-
Chi phí khác bằng tiền	18.009.091	2.000.000
	19.668.182	2.000.000

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.172.778	30.179.343
Chi phí nhân công	473.556.934	483.331.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.819.638	30.878.184
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	11.636.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.833.791	57.928.099
Chi phí khác bằng tiền	257.614.885	222.124.972
	794.998.026	836.079.249

24 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.521.456	-
Thu nhập khác	24.162.136	-
	78.683.592	-

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.910.496	-
Chi phí khác	700.000	1.626.622
	2.610.496	1.626.622

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.730.575	336.448.796
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.626.622
- Chi phí không hợp lệ	-	1.626.622
Các khoản điều chỉnh giảm	(38.546.400)	(47.066.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(38.546.400)	(47.066.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.184.175	291.009.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.036.835	58.201.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu đầu kỳ	40.058.015	69.385.111
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(32.667.901)	(3.340.805)
Thuế TNDN phải thu cuối kỳ	70.689.081	14.524.032

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	883.741.476	1.826.951.515
Chi phí nhân công	2.428.708.009	2.943.908.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.995.337	263.497.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.950.188	387.304.703
Chi phí khác bằng tiền	284.951.248	247.261.814
	4.295.346.258	5.668.923.664

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	640.817.779	-	3.158.680.390	-
Phải thu khác hàng, phải thu khác	3.926.835.208	(99.176.443)	687.824.320	(99.176.443)
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.259.992.882	(17.698.460)	595.372.905	(78.476.105)
	18.427.645.869	(116.874.903)	17.046.877.615	(177.652.548)
	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			1.174.445.962	534.015.808
			1.174.445.962	534.015.808

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	516.896.800	-	516.896.800
	-	516.896.800	-	516.896.800